

Số: 61/2021/HSST

Ngày: 22-6- 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đức Hoài

2. Ông Võ Phi May

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Phước Thành– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/HSST-QĐ ngày 10/6/2021 đối với bị cáo:

**Đoàn Thanh T**, Sinh năm 1986 tại Bình Phước; Nơi cư trú: tổ 6, khu phố T, thị trấn C, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;Chỗ ở: không cố định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đoàn Xuân Q và bà Nguyễn Thị Kim L; vợ Trần Thị Trúc G (đã ly hôn); con: có 01 con, sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không. Ngày 04 tháng 12 năm 2020, bị bắt truy nã, và bị tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 7, ấp 3A, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Anh **Nguyễn Phi K**, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 01, ấp 3A, xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 6, khu phố T, thị trấn C, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Đoàn Thanh T quen biết với Chị Trần Thị N và ông Nguyễn Phi K; giữa T và chị N có cho nhau vay tiền qua lại để kinh doanh và T cũng có mượn tiền của ông Khanh. Do có ý định chiếm đoạt tiền của chị N và ông Khanh, nên từ ngày 08 tháng 02 năm 2012 đến ngày 12 tháng 02 năm 2012, T nói dối với chị N là cần tiền đáo hạn ngân hàng để vay tiền chị N và cung cấp sai sự thật với ông K là cần tiền để kinh doanh để ông K cho vay tiền; tin tưởng T nên chị N và ông K cho T vay tiền rồi bỏ trốn, cụ thể:

Lần thứ nhất:

Ngày 08 tháng 02 năm 2012, T đến nhà chị N tại tổ 7, ấp 3A, xã M, huyện Chơn Thành mượn 250.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng; tin lời, chị N đã cho T vay. Đến ngày 11 tháng 02 năm 2012, T và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Kim L đến ngân hàng Sài Gòn Thương tín-Phòng giao dịch Chơn Thành mở tài khoản cho bà L, rồi T gửi 200.000.000 đồng vào tài khoản bà L. Đến ngày 24 tháng 02 năm 2012, bà L biết 200.000.000 đồng mà T gửi cho bà là số tiền do T phạm tội mà có nên bà L đến ngân hàng Sài Gòn Thương tín – Phòng giao dịch Chơn Thành rút giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, chị N cung cấp 01 giấy vay nợ bản phô tô giữa T và chị N với tổng số tiền T vay là 950.000.000 đồng. Tuy nhiên, Đoàn Thanh T chỉ thừa nhận mượn chị N 250.000.000 đồng; ngoài bản phô tô giấy nhận nợ thì chị N không cung cấp thêm chứng nào khác để xác định T có vay 950.000.000 đồng như chị N trình bày.

Lần thứ hai:

Do trước đây, ông Nguyễn Phi K có làm ăn chung với nên cho T mượn 50.000.000 đồng. Đến ngày 12 tháng 02 năm 2012, T nói dối với ông K là cần tiền để mua cạc điện thoại (card) để bán, nên ông K cho T mượn 30.000.000 đồng tại quán cà phê “Cát Đằng” thuộc khu phố 3, thị trấn C, huyện Chơn Thành; khi mượn, T có viết giấy mượn 80.000.000 đồng và hẹn đến ngày 14 tháng 02 năm 2012 sẽ trả.

Do có ý định bỏ trốn nên khoảng 17 giờ ngày 12 tháng 02 năm 2012, T nhờ anh Trương Minh H điều khiển xe ô tô tải loại 850kg, màu sơn xanh (không xác định được biển số) về tỉnh Bình Dương giúp T, còn T điều khiển xe ô tô tải loại 900kg, màu sơn trắng (không xác định được biển số) về tỉnh Bình Dương để tẩu tán. Trước khi đi, T điện thoại cho vợ là chị Trần Thị Trúc G (đã ly hôn) hẹn gặp tại cầu “Tham Rót” thuộc xã Thành T, huyện Chơn Thành để nói chuyện. Tại đây, T nói cho chị G biết việc T đang thiếu nợ tiền của nhiều người nên T bỏ đi làm ăn xa, khi nào có tiền mới về rồi T lên xe chạy đi về Bình Dương.

Sau khi T bỏ đi, chị N gọi điện thoại cho T nhưng không được nên ngày 18 tháng 02 năm 2012, chồng của chị N là anh Nguyễn Châu Toại là và ông Kđi tìm và gặp T tại quán ăn “Hương Miền Tây” thuộc phường Phú Lợi, thuộc thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tại đây, T giả vờ hứa cùng anh Toại, ông Kđi về thị trấn C, huyện Chơn Thành trả tiền cho chị N và ông Khanh. Lợi dụng lúc ông Kđi tiền ăn uống, anh Toại không để ý nên T bỏ chạy ra phía sau quán bỏ trốn.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Phi K giao nộp 01 tờ giấy kẻ ô ly, bản gốc, trên một mặt có chữ viết bằng mực màu xanh, nội dung “*Hôm nay ngày 12/2/2012 Tôi Đoàn Thanh T có nhận của anh K 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) Hẹn 2 ngày Trả lại*”. Dưới dòng chữ “*Chơn Thành 12/2/2011 ký tên*” có chữ ký, chữ viết mang họ tên “*Đoàn Thanh T*” bằng mực màu xanh (ký hiệu A1) và chị N giao nộp 01 tờ giấy khổ A4, bản phô tô, trên một mặt có chữ viết nội dung “*Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam-Độc lập Tự do Hạnh phúc; Tôi Tên Đoàn Thanh T, sinh năm 1986. Có Mượn của Chị Trần Thị N. Với số tiền là 950.000.000 đ để đáo Hạn ngân Hàng (chín TRăm năm mươi triệu đồng chẵn). Hẹn từ ngày 02/02/2012 Đến ngày 13/02/2012 sẽ quán Trả lại cho chị N đủ số tiền trên*”. Dưới dòng chữ “*chơn Thành Người viết*” có chữ ký, chữ viết mang họ tên “*Đoàn Thanh T*” (ký hiệu A2). Bên cạnh đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chơn Thành đã thu thập nhiều tài liệu chữ viết và chữ ký tên của bị can Đoàn Thanh T (ký hiệu M1-M23).

Bản kết luận giám định số 23/2021/GĐ-TL ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Nội dung chữ viết “*Hôm nay ngày 12/2/2012 Tôi Đoàn Thanh T có nhận của anh K 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) Hẹn 2 ngày Trả lại Chơn Thành 12/2/2011 ký tên*”, chữ viết họ tên “*Đoàn Thanh T*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết đứng tên Đoàn Thanh T trên tài liệu mẫu chữ ký hiệu M1-M23 do cùng một người viết ra.

Đối với tài liệu cần giám định ký hiệu A2 là bản photopcopy nên không thể tiến hành giám định đối với tài liệu cần giám định ký hiệu mẫu A2.

Đối với chữ ký đứng tên Đoàn Thanh T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1-M23 không đồng dạng so với chữ ký mang tên Đoàn Thanh T dưới dòng chữ “*Chơn Thành 12/2/2011 ký tên*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 nên không tiến hành giám định, kết luận (Bút lục số: 34, 37, 41, 50, 109, 110, 125, 127, 131, 133, 135, 140, 141, 142-149, 150, 156, 161, 166, 169, 175, 178, 179, 181).

Quá trình điều tra, bị can T còn khai nhận vào năm 2010, T vay 280.000.000 đồng của bà Trần Thị Ngọc Y nhưng không có giấy vay tiền; bên cạnh đó, bà Y đã chết năm 2013 và con bà Y là anh Trần Ngọc Đ cũng không biết việc vay mượn giữa T và bà Y,

cũng như không có tài liệu nào khác để bổ trợ chứng minh nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đang tạm giữ: tiền 230.195.000 đồng (trong đó, tiền do bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện giao nộp là 200.000.000 đồng, 30.000.000 đồng do anh Trương Minh H tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị can và 195.000 đồng thu giữ trong quá trình bắt T); 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F11 Pro, màu xanh-đen-tím; 01 giấy chứng minh nhân dân số 285.096.278 được Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 19 tháng 11 năm 2020, 01 giấy phép lái xe hạng A1, số AA 369708 và 01 giấy phép lái xe hạng B2, số AX 708925 đều mang tên Đoàn Thanh T.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà bị can T vay của anh Nguyễn Phi K trước khi thực hiện hành vi phạm tội, anh K không có yêu cầu xử lý.

Đối với số tiền 280.000.000 đồng T đã thừa nhận vay của bà Trần Thị Ngọc Y, bà Y đã chết năm 2013, con bà Yên là anh Trần Ngọc Đ cũng không biết việc vay mượn tiền giữa T và bà Yên. Sau này, nếu anh Đ có yêu cầu thì liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Tại Bản cáo trạng số 65/CTr-VKS-CT ngày 25/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Đoàn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đoàn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh T từ 07 năm đến 08 năm tù; đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo bồi thường theo qui định.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố nhưng lúc đầu cho rằng không dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản mà do làm ăn thua lỗ dẫn đến không có khả năng trả nợ; kết thúc phần tranh luận, bị cáo nhận ra tội lỗi đã phạm và xin lỗi người bị hại, và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu bị tạm giữ, vật chứng vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 08 và ngày 12 tháng 02 năm 2012, vì muốn chiếm đoạt tiền của Chị Trần Thị N và ông Nguyễn Phi K, Đoàn Thanh T nói dối vay tiền của chị N để đáo hạn ngân hàng và vay tiền ông K để kinh doanh. Tin lời, chị N cho Đoàn Thanh T vay 250.000.000 đồng tại tổ 7, ấp 3A, xã M, huyện Chơn Thành và ông K cho Đoàn Thanh T mượn 30.000.000 đồng tại khu phố 3, thị trấn C, huyện Chơn Thành. Khi lấy được tiền, Đoàn Thanh T đưa 200.000.000 đồng cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Kim L nói để cho bà L dưỡng già rồi bỏ trốn. Ngay khi bỏ trốn, bị cáo T còn kịp thời tẩu tán 02 chiếc xe ô tô, một chiếc nhờ Trương Minh H, một chiếc bị cáo T điều khiển mang về Bình Dương bán, tại phiên tòa, bị cáo khai nhận và bà L xác nhận việc bị cáo có gửi 210 triệu đồng sau khi bán hai chiếc xe tải cho bà L; bà L khai đã sử dụng số tiền này trả nợ ngoài cho bị cáo T. Như vậy thể hiện rõ bị cáo Đoàn Thanh T có ý định chiếm đoạt tài sản của chị N và anh K từ trước, để thực hiện, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối là lý do vay tiền như trên đã đề cập để chị N, anh K tin tưởng giao tài sản; ngay sau khi nhận được tài sản, bị cáo T bỏ trốn nhằm chiếm đoạt 250.000.000đ của chị N và 30.000.000đ của anh K. Đối chiếu với quy định tại Điều 139 BLHS năm 1999 cũng như Điều 174 BLHS năm 2015, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cáo trạng số 65/CTr-VKS-CT ngày 25/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Đoàn Thanh T theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

**Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.**

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

.....

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

*a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;*

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Đối với số tiền 50.000.000đ mà bị cáo mượn của anh K, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, anh K không yêu cầu, cũng như không đề nghị xử lý, nên các cơ quan tiến hành tố tụng không đề cập.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền tiêu xài một cách bất chính nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Bị cáo là người bị bắt truy nã, bị cáo là người xem thường pháp luật, cần cần xem xét bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, đủ sức răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 08 tháng 02 năm 2012, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của Chị Trần Thị N là 250.000.000 đồng; Ngày 12 tháng 02 năm 2012, bị cáo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của ông K. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã nộp khắc phục một phần hậu quả. Tại phiên tòa, anh K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ phân tích trên, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị N đã nhận lại 200.000.000 đồng, chị N yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường 50.000.000đ. anh K yêu cầu bị cáo bồi thường 30.000.000đ; yêu cầu của chị N, anh K là phù hợp với qui định của pháp luật nên cần buộc bị cáo bồi thường số tiền này.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều khoản áp dụng hình phạt đối là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với số tiền 30.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp để bồi thường thiệt hại, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F11 Pro, màu xanh-đen-tím, 195.000 đồng là tài sản của T nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 285.096.278 được Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 19 tháng 11 năm 2020, 01 giấy phép lái xe hạng A1, số AA 369708 và 01 giấy phép lái xe hạng B2, số AX 708925 đều mang tên Đoàn Thanh T là giấy tờ của bị cáo nên trả lại.

[11] Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đoàn Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh T 07 (bảy) năm tù, thời hạn tính từ ngày 04/12/2020;

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 46 BLHS, các điều 584, 585 và Điều 589 BLDS.

Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho Chị Trần Thị N 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) bồi thường cho anh Nguyễn Phi K 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000đ do gia đình bị cáo nộp, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F11 Pro, màu xanh-đen-tím, 195.000 đồng tạm giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Đoàn Thanh T 01 giấy chứng minh nhân dân số 285.096.278 được Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 19 tháng 11 năm 2020, 01 giấy phép lái xe hạng A1, số AA 369708 và 01 giấy phép lái xe hạng B2, số AX 708925 đều mang tên Đoàn Thanh T.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Đoàn Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Đoàn Thanh T phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo luật định, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Loan**



